

Số: 61/2020/QĐST-DS

Bù Đăng, ngày 21 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2020/TLST - DS ngày 05/02/2020.

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Hải H, sinh năm 1960

Bà Trần Thị C; sinh năm 1964

Cùng trú tại: khu Đ, T.tr G, huyện F, tỉnh P.

- Đại diện theo ủy quyền cho các nguyên đơn:

Anh Trần Văn D, sinh năm 1972

Trú tại: ấp Thuận Hải, xã T, huyện Đ, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn P; sinh năm 1979

Chị Vũ Thị L; sinh năm 1981

Anh Lê Trung K, sinh năm 1984

Chị Vũ Thị A, sinh năm 1986

Cùng trú tại: thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh P.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất: Các bên thống nhất ông H, bà C có trách nhiệm giao cho anh P, anh K, chị L, chị A diện tích đất 684,5m², trong đó có 32,5m² thuộc hành lang bảo vệ đường bộ như sơ đồ đo vẽ của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Phương Nam, ngày 27/5/2020; Phía anh P, anh K, chị L, chị A có nghĩa vụ trả cho ông H, bà C số tiền A 120.000.000đ (Một trăm hai

mười triệu đồng), trả ngay trong ngày hòa giải 10/9/2020 A 60.000.000đ; số tiền còn lại 60.000.000đ trả vào ngày 10/11/2020; đồng thời ông H, bà C có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị L, anh P, chị A, anh K theo quy định; các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2 Về án phí DSST và chi phí tố tụng khác: ông H, bà C nhận nộp 300.000đ án phí DSST; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H, bà C đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0010034 ngày 05/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng. Chị L, anh P, chị A, anh K có nghĩa vụ trả qua cho ông H, bà C số tiền là 4.300.000đ (Bốn triệu ba trăm ngàn đồng) tiền chi phí tố tụng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS và Chi cục THA huyện Bù Đăng;
- Tòa án tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LƯU THÙY LINH